

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch
Ông Trần Duy Hậu	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Hiến	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồ Việt	Thành viên
Bà Trương Thị Mai Lương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/03/2010)
Ông Trần Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/03/2010)

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài 2011 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Việt Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Số: 2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 14/03/2012, trình bày từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Đến thời điểm lập Báo cáo này, tỷ lệ các khoản công nợ đã được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2011 như sau: Các khoản phải thu khách hàng đã đối chiếu, xác nhận được 72%; các khoản người mua trả tiền trước đã có đối chiếu, xác nhận đạt 24%. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đưa ra ý kiến về số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2011, tổng số công nợ phải thu khó đòi của Công ty chưa được trích lập dự phòng bổ sung hoặc chưa có biện pháp xử lý thích hợp là 3,37 tỷ đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.426.606.227	65.883.666.146
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.529.826.797	20.642.732.671
Tiền	111		829.826.797	2.142.732.671
Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	18.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	220.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	6	500.000.000	220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.032.328.398	28.289.323.413
Phải thu khách hàng	131		12.338.940.144	26.999.755.950
Trả trước cho người bán	132		2.086.421.000	7.626.303.600
Phải thu nội bộ	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	7	312.961.154	369.257.763
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(7.705.993.900)	(6.705.993.900)
Hàng tồn kho	140		6.766.985.549	14.983.192.050
Hàng tồn kho	141	9	6.766.985.549	14.983.192.050
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.597.465.483	1.748.418.012
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.242.235.099	1.306.843.183
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.689.894	308.568.329
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	351.540.490	133.006.500
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		251.466.039.692	35.500.524.206
Các khoản phải thu dài hạn	210		17.179.045.263	5.101.693.611
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	11	20.472.895.263	8.395.543.611
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.293.850.000)	(3.293.850.000)
Tài sản cố định	220		197.482.773.556	4.706.319.784
Tài sản cố định hữu hình	221	12	849.242.480	1.164.716.691
- Nguyên giá	222		2.311.201.151	4.353.901.398
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.461.958.671)	(3.189.184.707)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		700.000.000	700.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.000.000)	(700.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	196.633.531.076	3.541.603.093
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	36.747.968.000	25.653.968.000
Đầu tư vào công ty con	251		17.730.000.000	17.730.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.920.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		8.097.968.000	7.923.968.000
Tài sản dài hạn khác	260		56.252.873	38.542.811
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	56.252.873	38.542.811
TỔNG TÀI SẢN	270		269.892.645.919	101.384.190.352

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp)
Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		219.306.240.202	50.828.153.987
Nợ ngắn hạn	310		39.623.626.648	50.630.386.545
Phải trả người bán	312		18.782.363.880	23.701.788.633
Người mua trả tiền trước	313		3.608.181.900	12.024.817.420
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	28.512.221	56.729.992
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	16.585.717.873	14.715.841.942
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		618.850.774	131.208.558
Nợ dài hạn	330		179.682.613.554	197.767.442
Phải trả dài hạn khác	333	18	178.424.228.068	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		208.385.486	197.767.442
Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.050.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.586.405.717	50.556.036.365
Vốn chủ sở hữu	410	19	50.586.405.717	50.556.036.365
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.151.509	(18.349.126)
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.793.442.327	4.793.442.327
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.500.000.000	4.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.289.811.881	3.280.943.164
TỔNG NGUỒN VỐN	440		269.892.645.919	101.384.190.352

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Ngoại tệ các loại			-	-
- Đô la Mỹ			626,59	525,98
- Euro			329,04	228,10

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012
Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2011	Năm 2010
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	50.244.690.314	40.374.336.137
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.244.690.314	40.374.336.137
Giá vốn hàng bán	11	21	46.237.581.402	35.672.909.486
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.007.108.912	4.701.426.651
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.192.603.433	5.120.807.698
Chi phí tài chính	22	23	35.030	11.635.300
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	11.635.300
Chi phí bán hàng	24		1.321.247.029	76.425.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.424.407.962	5.092.932.902
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.454.022.324	4.641.241.005
Thu nhập khác	31		112.460	1.174.159.100
Chi phí khác	32		-	920.128.093
Lợi nhuận khác	40		112.460	254.031.007
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.454.134.784	4.895.272.012
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		562.108.136	138.407.987
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.892.026.648	4.756.864.025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.814	1.469

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012
Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		47.966.075.938	63.520.660.720
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(49.483.501.771)	(47.074.875.370)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.899.305.000)	(1.994.241.000)
Tiền chi trả lãi vay	4		-	(11.635.300)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(245.062.718)	(727.386.409)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		101.051.265.644	14.790.878.203
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(106.185.211.152)	(8.585.215.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.795.739.059)	19.918.185.818
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(48.690.910)	(7.269.956.867)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	394.250.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(24.020.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		220.000.000	23.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.094.000.000)	(406.149.066)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.177.529.460	967.609.612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.245.161.450)	(6.534.246.321)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.765.873.300
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.108.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.073.342.000)	(4.030.079.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.073.342.000)	(372.206.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(18.114.242.509)	13.011.732.872
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.642.732.671	7.630.670.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.336.635	329.287
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	2.529.826.797	20.642.732.671

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo quyết định số 601/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 25/05/1999.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056646 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/10/1999, tên đăng ký ban đầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp. Ngày 18/06/2008, Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7, đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

Trụ sở chính: đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp: Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép, nhà xưởng;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe du lịch;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar)/.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trong các Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
- Máy móc thiết bị	5 – 8
- Thiết bị quản lý	3 – 8

4.6 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là Bản quyền sáng chế Công ty được cấp.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản Đầu tư khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu nhằm thu lợi nhuận, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

4.8 Ghi nhận doanh thu, giá vốn

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.9 Chi phí đi vay

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế hoặc theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, trừ trường hợp có quy định khác. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền và các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được xử lý theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 về “Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp”.

4.11 Thuế

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%. Năm 2011, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2011 theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

4.12 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	43.145.322	108.567.223
Tiền gửi ngân hàng	786.681.475	2.034.165.448
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	18.500.000.000
	2.529.826.797	20.642.732.671

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	500.000.000	220.000.000
	500.000.000	220.000.000

7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	51.137.181	43.204.677
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.073.973	79.303.086
Các khoản phải thu khác	246.750.000	246.750.000
	312.961.154	369.257.763

8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đây là khoản trích lập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2011.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	715.608.672	417.216.271
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.051.376.877	14.565.975.779
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	6.766.985.549	14.983.192.050
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	6.766.985.549	14.983.192.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	81.520.000	38.000.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ	270.020.490	95.006.500
	351.540.490	133.006.500

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Trong đó, khoản phải thu Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (IMI) là 8.395.543.611 đồng. Theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (“Viện máy”), hai bên đã thống nhất sẽ chuyển khoản công nợ trên thành vốn khi Viện cổ phần hóa. Đến thời điểm lập báo cáo này, Viện máy vẫn đang trong quá trình chuyển đổi sang Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2011	2.091.391.157	96.934.070	1.978.865.632	186.710.539	4.353.901.398
- Mua trong năm	-	-	-	48.690.910	48.690.910
- Thanh lý, nhượng bán	(2.091.391.157)	-	-	-	(2.091.391.157)
31/12/2011	-	96.934.070	1.978.865.632	235.401.449	2.311.201.151
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2011	(2.091.391.157)	(96.934.070)	(878.658.947)	(122.200.533)	(3.189.184.707)
- Khấu hao trong năm	-	-	(314.214.528)	(49.950.593)	(364.165.121)
- Giảm khác	2.091.391.157	-	-	-	2.091.391.157
31/12/2011	-	(96.934.070)	(1.192.873.475)	(172.151.126)	(1.461.958.671)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2011	-	-	1.100.206.685	64.510.006	1.164.716.691
31/12/2011	-	-	785.992.157	63.250.323	849.242.480

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 186.031.038 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	196.633.531.076	3.541.603.093
- Dự án nhà chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân	196.633.531.076	3.541.603.093
	196.633.531.076	3.541.603.093

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	17.730.000.000	17.730.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	16.200.000.000	16.200.000.000
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	1.530.000.000	1.530.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	10.920.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-E&C	10.920.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	8.097.968.000	7.923.968.000
- Công ty CP Thiết bị lạnh kỹ thuật số	424.000.000	250.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	375.000.000
- Công ty CP Máy và thiết bị Công nghiệp 1-5	1.350.468.000	1.350.468.000
- Công ty CP Đầu tư-Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	12.500.000
- Công ty Cổ phần 3B	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn & PT phần mềm	40.000.000	40.000.000
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	4.896.000.000	4.896.000.000
	36.747.968.000	25.653.968.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí máy Công cụ dụng cụ lâu bền	56.252.873	29.006.327
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	-	9.536.484
	56.252.873	38.542.811

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.166.983	-
Thuế Thu nhập cá nhân	16.345.238	56.729.992
	28.512.221	56.729.992
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả cổ tức	3.051.168.000	2.424.510.000
Góp vốn Đầu tư Dự án Nhân Chính (*)	12.632.500.000	4.000.000.000
Góp vốn thành lập Công ty CCV	-	7.360.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	-	412.440.000
Phải trả khác	902.049.873	518.891.942
	16.585.717.873	14.715.841.942

(*) Là khoản nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C theo hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty với Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C để đầu tư Dự án xây dựng khu chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân.

18. Các khoản phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CIE – CMC – Vinaconex E&C theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa liên doanh gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (CIE), Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CIE – CMC – Vinaconex E&C để đầu tư Dự án xây dựng khu chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2010	26.939.000.000	2.208.700.000	(18.672.764)	6.625.592.327	4.500.000.000	4.791.991.081	45.046.610.644
- Tăng vốn trong năm trước	11.061.000.000	-	-	-	-	-	11.061.000.000
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	4.756.864.025	4.756.864.025
- Tăng khác	-	-	21.459.466	-	-	-	21.459.466
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(4.849.020.000)	(4.849.020.000)
- Giảm khác	-	(2.208.700.000)	(21.135.828)	(1.832.150.000)	-	(518.891.942)	(4.580.877.770)
31/12/2010	38.000.000.000	-	(18.349.126)	4.793.442.327	4.500.000.000	3.280.943.164	50.556.036.365
01/01/2011	38.000.000.000	-	(18.349.126)	4.793.442.327	4.500.000.000	3.280.943.164	50.556.036.365
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	6.892.026.648	6.892.026.648
- Tăng khác	-	-	21.500.635	-	-	-	21.500.635
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
- Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(383.157.931)	(383.157.931)
31/12/2011	38.000.000.000	-	3.151.509	4.793.442.327	4.500.000.000	3.289.811.881	50.586.405.717

(*) : Đây là khoản tạm trích các quỹ và cổ tức năm 2011 nhưng chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

19b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.445.660.000	1.445.660.000
Vốn góp của các đối tượng khác	36.554.340.000	36.554.340.000
	38.000.000.000	38.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu thường	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu thường	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19d. Các giao dịch về vốn và các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	26.939.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.061.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.073.342.000	4.040.850.000

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.244.690.314	40.374.336.137
Trong đó:		
+ Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	49.538.957.369	40.085.370.361
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	705.732.945	288.965.776
	50.244.690.314	40.374.336.137

21. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 Đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hoá	45.542.855.274	35.672.909.486
Giá vốn cung cấp dịch vụ	694.726.128	-
	46.237.581.402	35.672.909.486

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.786.077.726	725.396.698
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.406.525.707	4.395.411.000
	7.192.603.433	5.120.807.698

23. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	11.635.300
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.030	-
	35.030	11.635.300

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.892.026.648	4.756.864.025
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(383.157.931)	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.508.868.717	4.756.864.025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.238.160
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.814	1.469

25. Thông tin với các bên liên quan

25.1 Giao dịch với các bên liên quan

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	1.233.236.400	532.856.685
Công ty CP Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE 1	1.233.236.400	532.856.685
Mua hàng từ các bên liên quan	18.380.774.683	32.597.495.131
Công ty CP Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE 1	17.284.871.817	28.441.660.540
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	1.095.902.866	4.155.834.591
25.2. Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu	6.817.920.535	12.020.512.611
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>6.817.920.535</i>	<i>9.087.793.611</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	-	692.250.000
Các khoản phải trả	18.153.841.380	21.466.692.642
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE 1	18.153.841.380	21.466.692.642

26. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012
Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng